

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH TIỀN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 695/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 19 / 8 / 2022

V/v tranh chấp “Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Văn Nhơn**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông **Nguyễn Bền**.

2/ Ông **Nguyễn Văn Y**.

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Thành Phục** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 19 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 297/2022/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 4 năm 2022, về tranh chấp “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 164/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh **Mai Trần Thanh T**, sinh năm 1976. Địa chỉ: ấp Đ B, xã NB, huyện CT, tỉnh Tiền Giang (Có mặt);

- *Bị đơn:* Chị **Phan Thị Tuyết V**, sinh năm 1977. Địa chỉ: ấp Đ B, xã NB, huyện CT, tỉnh Tiền Giang (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện, lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn anh Mai Trần Thanh T trình bày:**

Về hôn nhân: Anh và chị Phan Thị Tuyết V chung sống với nhau vào năm 2019, có đăng ký kết hôn ngày 12/4/2019 tại Ủy ban nhân xã Nhị Bình, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang. Sau khi kết hôn, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến tháng 4 năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, tính tình không hợp nhau. Anh và chị V đã sống ly

thân từ tháng 4 năm 2021 cho đến nay. Nay anh yêu cầu ly hôn với chị Phan Thị Tuyết V.

Về con chung: Anh và chị V không có con chung.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

* Bị đơn chị Phan Thị Tuyết V đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, tuy nhiên chị V không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của anh T, không tham dự các phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải của Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn chị Phan Thị Tuyết V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai tham dự phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không lý do, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị Phan Thị Tuyết V.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp là “Ly hôn”.

[3] Xét yêu cầu của anh Mai Trần Thanh T, xét thấy:

- Về hôn nhân: Anh Mai Trần Thanh T và chị Phan Thị Tuyết V chung sống với nhau vào năm 2019, có đăng ký kết hôn ngày 12/4/2019 tại Ủy ban nhân xã Nhị Bình, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Qua xem xét lời trình bày của anh T, các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử xác định, sau khi kết hôn thời gian đầu anh T và chị V chung sống hạnh phúc, đến tháng 4 năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, tình không hợp nhau. Anh T và chị V đã sống ly thân từ tháng 4 năm 2021 cho đến nay.

Xét thấy, thời gian mâu thuẫn và sống ly thân giữa anh T và chị V đã kéo dài, từ lúc ly thân cho đến nay anh, chị không hàn gắn được tình cảm vợ chồng. Khi anh T yêu cầu ly hôn chị V không có ý kiến gì đối với yêu cầu của anh T, không tham gia các phiên hòa giải do Tòa án tổ chức, điều đó chứng tỏ chị V không mong muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng. Hội đồng xét xử nhận thấy mâu thuẫn giữa anh T và chị V đã trầm trọng, đời sống chung không thể tiếp tục kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, anh T yêu cầu ly hôn với chị V là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Về con chung: Anh T và chị V không có con chung, không đặt ra xem xét giải quyết

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Không có nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án, anh T phải chịu 300.000đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ điểm b khoản 2 điều 227; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của anh Mai Trần Thanh T.

1. Về hôn nhân: Anh Mai Trần Thanh T được ly hôn với chị Phan Thị Tuyết V.

2. Về án phí: Anh Mai Trần Thanh T phải chịu 300.000đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Anh Mai Trần Thanh T đã nộp 300.000đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0020291 ngày 19/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang, do đó xem như đã nộp xong án phí.

3. Anh Mai Trần Thanh T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị Phan Thị Tuyết V có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

ĐÃ KÝ

Trần Văn Nhơn